

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: T11/NUTRICARE/2026

**THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM
DINH DƯỠNG NUTRICARE GLUGOLD**

Năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T11/NUTRICARE/2026

CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH	
Số: 140	ĐẾN
Ngày: 2/3/2026	Chuyển:
Số và ký hiệu HS:	



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 024.6683.3368

Email: contact@nutricare.com.vn

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Đối tượng không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định.

Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000. Số: HA 172/9.26.CI. Ngày cấp: 05/03/2020. Nơi cấp: Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) - Ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia.

Giấy chứng nhận Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) Số: GM 040/9.26.03; Ngày cấp: 05/03/2020. Nơi cấp: Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) - Ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Nutricare GluGold

2. Thành phần:

Chất béo thực vật (Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành, Dầu cọ), Isomaltulose (23%), Đạm sữa, Erythritol, Bột sữa gầy, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Đạm đậu nành, Các Khoáng chất (Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê phosphat, Natri clorid, Tricanxi phosphat, Magiê oxit, Kẽm sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Kali iodid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Cyanocobalamin, Retinyl acetat, Canxi-D-pantothenat, Cholecalciferol, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Axit folic, Riboflavin, Phylloquinon), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Beta-Caroten 1% tổng hợp (150 mg/100 g), Lactium (29 mg/100 g), Lactase.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách bao gói:** Khối lượng tịnh 850 g. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

- **Chất liệu bao bì:** Bao bì tráng thiếc (dạng gói hoặc dạng lon) đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 02 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES(1)			
Chai tiêu dinh dưỡng Nutrients	Đơn vị Unit	Trong 100 g bột/Per 100 g powder	Trong 1 ly pha chế/Per serving (200 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	410	205
Chất đạm/Protein	g	20,0	10,0
Chất béo/Lipid	g	16,0	8,00
Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9)	mg	4800	2400
Total unsaturated fatty acids			
Carbohydrat/Carbohydrate	g	44,0	22,0
Đường tổng số/Total sugars	g	5,84	2,92
Chất xơ hòa tan (Polydextrose)	g	6,00	3,00
Soluble fiber (Polydextrose)			
Polysols	g	8,50	4,25
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1467	733
Vitamin D3	IU	568	284
Vitamin E	IU	14,0	7,00
Vitamin K1	µg	22,9	11,5
Vitamin C	mg	60,5	30,3
Vitamin B1	mg	850	425
Vitamin B2	µg	670	335
Niacin	µg	9548	4774
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	3800	1900
Vitamin B6	µg	1250	625
Axit folic/Folic acid	µg	78,5	39,3
Vitamin B12	µg	5,00	2,50
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	220	110
Kali/Potassium	mg	330	165
Canxi/Calcium	mg	530	265
Phot pho/Phosphorus	mg	370	185
Magiê/Magnesium	mg	84,6	42,3
Sắt/Iron	mg	4,10	2,05
Kẽm/Zinc	mg	7,25	3,63
Mangan/Manganese	µg	830	415
Đồng/Copper	µg	230	115
I-ốt/Iodine	µg	38,0	19,0
Selen/Selenium	µg	15,4	7,70
Crom/Chromium	µg	78,0	39,0

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Chất béo thực vật (Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành, Dầu cỏ), Isomaltulose (23%), Đạm sữa, Erythritol, Bột sữa gầy, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Đạm đậu nành, Các Khoáng chất (Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê phosphat, Natri clorid, Tricaxi phosphat, Magiê oxit, Kẽm sulfat, Natri selenit, Crom clorid, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Kali iodid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Cyanocobalamin, Retinyl acetat, Canxi-D-pantothenat, Cholecalciferol, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Axit folic, Riboflavin, Phylloquinon), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Beta-Caroten 1% tổng hợp (150 mg/100 g), Lactium (29 mg/100 g), Lactase.

Vegetable fat (Canola oil, Sunflower oil, Corn oil, Soybean oil, Palm oil), Isomaltulose (23%), Milk protein, Erythritol, Skim milk powder, Soluble fiber (Polydextrose), Soy protein, Minerals (Potassium chloride, Calcium carbonate, Magnesium phosphate, Sodium chloride, Tricalcium phosphate, Manganese sulfate, Zinc sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Iron pyrophosphate, Manganese sulfate, Potassium iodide, Copper sulfate) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Cyanocobalamin, Retinyl acetate, Calcium-D-pantothenate, Cholecalciferol, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Folic acid, Riboflavin, Phylloquinone), Synthetic flavor (vanilla flavor, milk flavor), Synthetic Beta-Carotene 1% (150 mg/100 g), Lactium (29 mg/100 g), Lactase.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

Cho từ từ 5 muỗng gạt (tương đương 50 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết./Pour 180 ml warm water (approximately 50 °C) into the utensils, then add 5 scoops (approximately 50 g of powder). Stir well until the powder is completely dissolved.

Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ./Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.



LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Người lớn và trẻ em từ 13 tuổi nên dùng 2 ly/ngày./Adults and children from 13 years are recommended to consume 2 servings per day.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác và màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

(2) Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9).

(3) Hàm lượng Đạm đậu nành theo tính toán: 5 g/100 g bột và Đạm Whey theo tính toán: 2,6 g/100 g bột.



NUTRICARE



NMNI-USA
Nutricare Medical
Nutrition Institute - USA

Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

GluGold

BỔ SUNG DINH DƯỠNG
CHO ĐÁI THÁO ĐƯỜNG
TIỀN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG



BỘT ĐƯỜNG HẤP THU CHẬM
(ISOMALTULOSE) CÙNG CHẤT XƠ
HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH
ĐƯỜNG HUYẾT



THỰC PHẨM BỔ SUNG
KHỐI LƯỢNG TÍNH/NET WT.: 850g



NMNI-USA
Nutricare Medical
Nutrition Institute - USA

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG
NUTRICARE GLUGOLD

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ, công thức bột đường hấp thu chậm cùng chất xơ theo khuyến nghị Hiệp Hội Đái Tháo Đường Hoa Kỳ giúp cân bằng đường huyết, đã được chứng minh lâm sàng có chỉ số đường huyết thấp (GI = 27) và giàu đường chất giúp tăng cường sức khỏe.



HỖ TRỢ ĐƯỜNG HUYẾT CÂN BẰNG:

Công thức: Bột Đường hấp thu chậm (Isomaltulose) cùng chất xơ (Polydextrose) theo khuyến nghị Hiệp Hội Đái Tháo Đường Hoa Kỳ giúp cân bằng đường huyết. Sản phẩm đã được chứng minh lâm sàng có chỉ số đường huyết thấp (GI = 27) dành cho người đái tháo đường, hỗ trợ ổn định đường huyết. Chế độ ăn GI thấp hỗ trợ cải thiện chỉ số HbA1c.



HỖ TRỢ SỨC KHỎE TIM MẠCH:

Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9) giúp hỗ trợ giảm Cholesterol xấu cùng hệ Antioxidants (Vitamin A, C, E & Selenium) tốt cho tim mạch.



HỖ TRỢ TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE:

Giàu đường chất với Đạm thực vật & Đạm Whey(3) dễ hấp thu, có giá trị sinh học cao giúp cung cấp các acid amin thiết yếu tham gia vào quá trình tổng hợp protein, tế bào miễn dịch giúp tăng cường đề kháng, hỗ trợ phục hồi và tăng cường sức khỏe.



GIÚP NGỦ NGON, TIÊU HÓA KHỎE:

Lactium đã được chứng minh lâm sàng giúp ngủ ngon kết hợp cùng Vitamin B6 giảm căng thẳng. Magiê giúp giảm mệt mỏi. Chất xơ hòa tan (Polydextrose) hỗ trợ hệ tiêu hóa khỏe mạnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VP&GD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tư vấn bộ sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam. NSX và HSD: Xem trên bao bì.

Số CBSP: T11/NUTRICARE/2026

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000

& Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý

Môi trường ISO 14001.

